

THÔNG BÁO

V/v tổ chức sinh hoạt lớp học kỳ II năm học 2022 - 2023 cho sinh viên khoá cũ

Kính gửi: - Các Khoa quản lý sinh viên;
- Giáo viên chủ nhiệm;
- Các lớp sinh viên từ khoá 64 đến khoá 66.

Thực hiện quy định Tuần sinh hoạt Công dân - sinh viên và Sinh hoạt lớp ban hành kèm theo Quyết định số 2008/QĐ-MĐC ngày 31/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Thực hiện kế hoạch năm học 2022 - 2023;

Nhà trường đề nghị các Khoa chuyên môn chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm tổ chức thực hiện sinh hoạt lớp cho sinh viên hệ chính quy theo nội dung sau:

1. Thời gian: Chủ nhật, ngày 12 tháng 02 năm 2023.

2. Địa điểm: trực tiếp trên các giảng đường.

3. Nội dung:

- Giáo viên chủ nhiệm tổ chức sinh hoạt lớp chấm điểm rèn luyện để xét khen thưởng, học bổng học kỳ 1 năm học 2022 - 2023;

- Tiếp tục Thông báo về kế hoạch công tác sinh viên năm học 2022 - 2023 đã được Nhà trường phê duyệt và giải quyết những vướng mắc của sinh viên;

- Thực hiện rà soát danh sách sinh viên thực hiện Luật BHYT, thông báo và tiếp nhận các phản hồi của sinh viên về chế tài xử lý với các sinh viên không thực hiện Luật BHYT;

- Sau khi kết thúc đợt sinh hoạt lớp 07 ngày, các khoa tập hợp và nộp cho phòng Công tác Chính trị - Sinh viên bản mềm dữ liệu điểm rèn luyện các lớp sinh viên và cập nhật trên hệ thống trước ngày 23/02/2023;

- Các sinh viên không thực hiện sinh hoạt lớp sẽ không được công nhận điểm rèn luyện và phải thực hiện sinh hoạt lớp bổ sung theo quy định hiện hành;

- Các sinh viên không đóng BHYT trước ngày 10/02/2023 sẽ bị trừ điểm rèn luyện và không được xét học bổng, khen thưởng trong năm học 2022 - 2023;

- Với các sinh viên khóa cuối còn tồn đọng, không còn trong danh sách lớp quản lý sinh viên, đề nghị lãnh đạo các Khoa chuyên môn có kế hoạch hỗ trợ sinh viên thực hiện sinh hoạt lớp, kê khai đủ điểm rèn luyện để thực hiện xét học bổng, khen thưởng và xét tốt nghiệp theo các quy định hiện hành;

- Giao phòng Công tác Chính trị - Sinh viên thực hiện kiểm tra quân số để đảm bảo tính nghiêm túc, kỷ luật và minh bạch của đợt sinh hoạt lớp và chấm điểm rèn luyện.

- Đề nghị Trung tâm Dịch vụ mở cửa các giảng đường theo lịch sinh hoạt lớp trên; Các khoa, Ban chủ nhiệm các bộ môn chuyên môn đôn đốc sinh viên tham gia đầy đủ và tổ chức đợt sinh hoạt lớp nghiêm túc, có hiệu quả.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi (để thực hiện);
- Ban Giám hiệu (để p/h chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, CTSV₍₀₂₎.



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS *Trần Hùng Trường*

LỊCH SINH HOẠT LỚP HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022 - 2023 TỪ K64 - K66 NGÀY 12/2/2023

(kèm theo Thông báo số 50/TB-MĐC ngày 07 tháng 2 năm 2023)

STT	Lớp	Khoa	Tiết	Phòng	Ngày	Ghi chú
1	Công nghệ phần mềm A-K64	CNTT	4,5	A406	12/2/2023	
2	Công nghệ phần mềm B-K64	CNTT	4,5	A406	12/2/2023	
3	Hệ thống Thông tin A-K64	CNTT	7,8	A204	12/2/2023	
4	Hệ thống Thông tin B-K64	CNTT	2,3	A205	12/2/2023	
5	Khoa học máy tính UD A-K64	CNTT	2,3	A303	12/2/2023	
6	Khoa học máy tính UD B-K64	CNTT	2,3	A303	12/2/2023	
7	Mạng máy tính A-K64	CNTT	4,5	A303	12/2/2023	
8	Mạng máy tính B-K64	CNTT	2,3	A206	12/2/2023	
9	Tin học Kinh tế A-K64	CNTT	7,8	A305	12/2/2023	
10	Tin học Kinh tế B-K64	CNTT	7,8	A206	12/2/2023	
11	CNTT Địa học K64	CNTT	7,8	A303	12/2/2023	
12	Công nghệ phần mềm A-K65	CNTT	7,8	A203	12/2/2023	
13	Công nghệ phần mềm B-K65	CNTT	2,3	A204	12/2/2023	
14	Công nghệ phần mềm C-K65	CNTT	2,3	A203	12/2/2023	
15	Hệ thống thông tin A-K65	CNTT	7,8	A205	12/2/2023	
16	Hệ thống thông tin B-K65	CNTT	4,5	A205	12/2/2023	
17	Khoa học máy tính A-K65	CNTT	7,8	A406	12/2/2023	
18	Khoa học máy tính B-K65	CNTT	7,8	A406	12/2/2023	
19	Mạng máy tính A-K65	CNTT	9,10	A303	12/2/2023	
20	Mạng máy tính B-K65	CNTT	2,3	A207	12/2/2023	
21	Tin học kinh tế A-K65	CNTT	2,3	A305	12/2/2023	
22	Tin học kinh tế B-K65	CNTT	9,10	A206	12/2/2023	
23	CNTT Địa học A-K65	CNTT	4,5	A207	12/2/2023	
24	CNTT Địa học B-K65	CNTT	7,8	A207	12/2/2023	
25	Công nghệ thông tin (CLC)_K66A1	CNTT	2,3	A301	12/2/2023	
26	Công nghệ thông tin (CLC)_K66A2	CNTT	4,5	A301	12/2/2023	
27	Khoa học Dữ liệu_K66	CNTT	4,5	A208	12/2/2023	
28	Công nghệ thông tin_K66A1	CNTT	7,8	A208	12/2/2023	
29	Công nghệ thông tin_K66A2	CNTT	9,10	A203	12/2/2023	
30	Công nghệ thông tin_K66B1	CNTT	4,5	A204	12/2/2023	
31	Công nghệ thông tin_K66B2	CNTT	4,5	A203	12/2/2023	
32	Công nghệ thông tin_K66C1	CNTT	9,10	A208	12/2/2023	
33	Công nghệ thông tin_K66C2	CNTT	7,8	A308	12/2/2023	
34	Công nghệ thông tin_K66D1	CNTT	9,10	A205	12/2/2023	
35	Công nghệ thông tin_K66D2	CNTT	9,10	A204	12/2/2023	

36	Công nghệ thông tin_K66E1	CNTT	9,10	A308	12/2/2023	
37	Công nghệ thông tin_K66E2	CNTT	9,10	A306	12/2/2023	
38	Công nghệ thông tin_K66F1	CNTT	2,3	D3-4	12/2/2023	
39	Công nghệ thông tin_K66F2	CNTT	4,5	A206	12/2/2023	
40	Công nghệ thông tin_K66G1	CNTT	4,5	D3-4	12/2/2023	
41	Công nghệ thông tin_K66G2	CNTT	7,8	D3-4	12/2/2023	
42	Công nghệ thông tin_K66H1	CNTT	9,10	D3-4	12/2/2023	
43	Công nghệ thông tin_K66H2	CNTT	2,3	D3-3	12/2/2023	
44	Công nghệ thông tin_K66I1	CNTT	4,5	D3-3	12/2/2023	
45	Công nghệ thông tin_K66I2	CNTT	9,10	A305	12/2/2023	
46	Công nghệ thông tin_K66K1	CNTT	9,10	D3-3	12/2/2023	
47	Công nghệ thông tin_K66K2	CNTT	4,5	A305	12/2/2023	
48	Công nghệ thông tin_K66L1	CNTT	2,3	D4-3	12/2/2023	
49	Công nghệ thông tin_K66L2	CNTT	4,5	D4-3	12/2/2023	
50	Công nghệ thông tin_K66M1	CNTT	7,8	D4-3	12/2/2023	
51	SV còn tồn đọng và SV học văn bằng 2 Khoa CNTT	CNTT	2,3	B503	12/2/2023	
52	Khai thác mỏ K64	Mỏ	9,10	D4-3	12/2/2023	
53	Tuyển khoáng K64	Mỏ	2,3	D4-2	12/2/2023	
54	Khai thác mỏ K65	Mỏ	4,5	D4-2	12/2/2023	
55	Tuyển khoáng K65	Mỏ	7,8	D4-2	12/2/2023	
56	Khai thác mỏ K66	Mỏ	9,10	D4-2	12/2/2023	
57	Tuyển khoáng K66	Mỏ	2,3	B203	12/2/2023	
58	SV còn tồn đọng và SV học văn bằng 2 Khoa Mỏ	Mỏ	4,5	B503	12/2/2023	
59	KT Địa chất K64	KH và KT Địa chất	4,5	B203	12/2/2023	
60	KT Địa chất K65 + LT ĐC K65	KH và KT Địa chất	7,8	B203	12/2/2023	
61	Địa chất học K65	KH và KT Địa chất	9,10	B203	12/2/2023	
62	Địa KT Xây dựng K65	KH và KT Địa chất	2,3	B204	12/2/2023	
63	Địa chất học K66 + LT Địa chất K66	KH và KT Địa chất	4,5	B204	12/2/2023	
64	Địa kỹ thuật XD K66	KH và KT Địa chất	7,8	B204	12/2/2023	
65	Du lịch địa chất K66	KH và KT Địa chất	9,10	B204	12/2/2023	
66	Kỹ thuật địa chất K66	KH và KT Địa chất	2,3	B207	12/2/2023	
67	SV còn tồn đọng và SV học văn bằng 2 Khoa KH và KT Địa chất	KH và KT Địa chất	7,8	B503	12/2/2023	
68	KT Môi trường K64	Môi trường	4,5	B207	12/2/2023	
69	KT Môi trường K65 + LTMT K65	Môi trường	7,8	B207	12/2/2023	
70	QLTN& Môi trường K66	Môi trường	9,10	B207	12/2/2023	
71	KT Môi trường K66 + LTMT K66	Môi trường	2,3	B205	12/2/2023	
72	SV còn tồn đọng và SV học văn bằng 2 Khoa Môi trường	Môi trường	9,10	B503	12/2/2023	

73	Trắc địa bản đồ K64	Trắc địa BD & QLDD	4,5	B205	12/2/2023	
74	Địa tin học K64	Trắc địa BD & QLDD	2,3	B201	12/2/2023	
75	Quản lý đất đai K64	Trắc địa BD & QLDD	7,8	B205	12/2/2023	
76	Quản lý đất đai K65	Trắc địa BD & QLDD	9,10	B205	12/2/2023	
77	Trắc địa K65 + LTTĐ K65	Trắc địa BD & QLDD	4,5	B201	12/2/2023	
78	Địa tin học K65	Trắc địa BD & QLDD	7,8	B201	12/2/2023	
79	Quản lý đất đai K65	Trắc địa BD & QLDD	9,10	B201	12/2/2023	
80	Trắc địa-bản đồ_K66+ LTTĐ K66	Trắc địa BD & QLDD	7,8	A408	12/2/2023	
81	Địa tin học_K66	Trắc địa BD & QLDD	9,10	A408	12/2/2023	
82	Quản lý đất đai_K66A1	Trắc địa BD & QLDD	2,3	A306	12/2/2023	
83	Quản lý đất đai_K66A2	Trắc địa BD & QLDD	4,5	A306	12/2/2023	
84	SV còn tồn đọng và SV học văn bằng 2 Khoa Trắc địa BD & QLDD	Trắc địa BD & QLDD	2,3	B502	12/2/2023	
85	Điện công nghiệp K64	Cơ - Điện	2,3	D5-2	12/2/2023	
86	Điện Điện tử K64	Cơ - Điện	4,5	D5-2	12/2/2023	
87	Hệ thống điện K64	Cơ - Điện	7,8	D5-2	12/2/2023	
88	Cơ khí ô tô K64	Cơ - Điện	9,10	D5-2	12/2/2023	
89	Tự động hóa A K64	Cơ - Điện	9,10	A406	12/2/2023	
90	Tự động hóa B K64	Cơ - Điện	9,10	A406	12/2/2023	
91	Chế tạo máy K64	Cơ - Điện	2,3	D5-3	12/2/2023	
92	Tự động hóa K65	Cơ - Điện	9,10	D4-1	12/2/2023	
93	Chế tạo máy K65	Cơ - Điện	4,5	D5-3	12/2/2023	
94	Cơ khí ô tô K65	Cơ - Điện	7,8	D5-3	12/2/2023	
95	Hệ thống điện K65	Cơ - Điện	9,10	D5-3	12/2/2023	
96	Điện Điện tử K65	Cơ - Điện	9,10	A207	12/2/2023	
97	Điện công nghiệp K65	Cơ - Điện	2,3	A208	12/2/2023	
98	Kỹ thuật cơ điện tử A K66	Cơ - Điện	2,3	B303	12/2/2023	
99	Kỹ thuật cơ điện tử B K66	Cơ - Điện	4,5	B303	12/2/2023	
100	Cơ khí ô tô K66	Cơ - Điện	7,8	B303	12/2/2023	
101	Công nghệ Chế tạo máy K66	Cơ - Điện	7,8	A306	12/2/2023	
102	Cơ khí động lực K66	Cơ - Điện	7,8	A306	12/2/2023	
103	Kỹ thuật điện A1 K66	Cơ - Điện	9,10	B303	12/2/2023	
104	Kỹ thuật điện A2 K66	Cơ - Điện	2,3	B401	12/2/2023	
105	Kỹ thuật điện B1 K66	Cơ - Điện	4,5	B401	12/2/2023	
106	Kỹ thuật điện B2 K66	Cơ - Điện	7,8	B401	12/2/2023	
107	Tự động hóa A1 K66	Cơ - Điện	2,3	A408	12/2/2023	
108	Tự động hóa A2 K66	Cơ - Điện	2,3	A408	12/2/2023	
109	Tự động hóa C K66	Cơ - Điện	4,5	A408	12/2/2023	

110	Tự động hóa B1 K66	Cơ - Điện	2,3	A308	12/2/2023	
111	Tự động hóa B2 K66	Cơ - Điện	4,5	A308	12/2/2023	
112	Máy & TB mở K66	Cơ - Điện	9,10	B401	12/2/2023	
113	SV còn tồn đọng và SV học văn bằng 2 Khoa Cơ điện	Cơ - Điện	4,5	B502	12/2/2023	
114	Công nghệ Kỹ thuật hóa học K64	Dầu khí	2,3	B404	12/2/2023	
115	Công nghệ Kỹ thuật hóa học K66	Dầu khí	4,5	B404	12/2/2023	
116	Khoan Khai thác K64	Dầu khí	7,8	B404	12/2/2023	
117	Kỹ thuật dầu khí K65	Dầu khí	9,10	B404	12/2/2023	
118	Kỹ thuật dầu khí K66	Dầu khí	7,8	B405	12/2/2023	
119	Lọc hóa dầu Vũng Tàu K64	Dầu khí	2,3	B405	12/2/2023	
120	Công nghệ Kỹ thuật hóa học K65	Dầu khí	4,5	B405	12/2/2023	
121	SV còn tồn đọng và SV học văn bằng 2 Khoa Dầu khí	Dầu khí	7,8	B502	12/2/2023	
122	XD DD&CN 64	Xây dựng	9,10	B405	12/2/2023	
123	XDDD&CN - K65	Xây dựng	2,3	B505	12/2/2023	
124	XDCTN - K65	Xây dựng	4,5	B505	12/2/2023	
125	XDHTCS - K65	Xây dựng	7,8	B505	12/2/2023	
126	Xây dựng công trình giao thông K66	Xây dựng	9,10	B505	12/2/2023	
127	Xây dựng công trình ngầm T.phố và hệ thống tàu điện ngầm K66	Xây dựng	2,3	B504	12/2/2023	
128	SV còn tồn đọng và SV học văn bằng 2 Khoa Xây dựng	Xây dựng	9,10	B502	12/2/2023	
129	DCKTKT66B2	Kinh tế & QTKD	2,3	D1-1	12/2/2023	
130	DCKTKT66C1	Kinh tế & QTKD	2,3	D1-1	12/2/2023	
131	DCKTKT66C2	Kinh tế & QTKD	2,3	D1-1	12/2/2023	
132	DCKTKT66A1	Kinh tế & QTKD	4,5	D1-1	12/2/2023	
133	DCKTKT66A2	Kinh tế & QTKD	4,5	D1-1	12/2/2023	
134	DCKTKT66B1	Kinh tế & QTKD	4,5	D1-1	12/2/2023	
135	DCKTKT66E1	Kinh tế & QTKD	7,8	D3-2	12/2/2023	
136	DCKTKT66F1	Kinh tế & QTKD	7,8	D1-1	12/2/2023	
137	DCKTKT66F2	Kinh tế & QTKD	7,8	D1-1	12/2/2023	
138	DCKTKT66D2	Kinh tế & QTKD	7,8	D1-1	12/2/2023	
139	DCKTKT 64A	Kinh tế & QTKD	9,10	D1-1	12/2/2023	
140	DCKTKT 64D	Kinh tế & QTKD	9,10	D1-1	12/2/2023	
141	DCKTKT 65B1	Kinh tế & QTKD	2,3	D2-1	12/2/2023	
142	DCKTKT 65B2	Kinh tế & QTKD	2,3	D2-1	12/2/2023	
143	Kế toán C K64	Kinh tế & QTKD	4,5	D2-1	12/2/2023	
144	Kế toán B K64	Kinh tế & QTKD	4,5	D2-1	12/2/2023	

145	Kế toán A1 K65	Kinh tế & QTKD	7,8	D2-1	12/2/2023	
146	Kế toán A2 K65	Kinh tế & QTKD	7,8	D2-1	12/2/2023	
147	Tài chính - Ngân hàng K64	Kinh tế & QTKD	2,3	D3-2	12/2/2023	
148	Tài chính - Ngân hàng K65A	Kinh tế & QTKD	4,5	D3-1	12/2/2023	
149	Tài chính - Ngân hàng K65B	Kinh tế & QTKD	4,5	D3-1	12/2/2023	
150	Kế toán C1 K65	Kinh tế & QTKD	4,5	D3-2	12/2/2023	
151	DCKTKT66E2	Kinh tế & QTKD	2,3	D3-1	12/2/2023	
152	DCKTKT66D1	Kinh tế & QTKD	2,3	D3-1	12/2/2023	
153	DCKTTN66A1	Kinh tế & QTKD	7,8	D3-2	12/2/2023	
154	DCKTTN66A2	Kinh tế & QTKD	7,8	D3-2	12/2/2023	
155	DCKTTN66B1	Kinh tế & QTKD	9,10	D2-1	12/2/2023	
156	DCKTTN66B2	Kinh tế & QTKD	9,10	D2-1	12/2/2023	
157	DCKTTN66C1	Kinh tế & QTKD	9,10	D2-1	12/2/2023	
158	DCKTTN66C2	Kinh tế & QTKD	9,10	D2-1	12/2/2023	
159	Lớp QTKD A K64	Kinh tế & QTKD	9,10	D3-1	12/2/2023	
160	Lớp QTKD B K64	Kinh tế & QTKD	9,10	D3-1	12/2/2023	
161	Lớp QTKD C K64	Kinh tế & QTKD	9,10	D3-1	12/2/2023	
162	Marketing TT K66C	Kinh tế & QTKD	9,10	A404	12/2/2023	
163	Marketing TT K66D	Kinh tế & QTKD	9,10	A404	12/2/2023	
164	Marketing TT K66A	Kinh tế & QTKD	2,3	D4-1	12/2/2023	
165	Marketing TT K66B	Kinh tế & QTKD	2,3	D4-1	12/2/2023	
166	Marketing TT K66E	Kinh tế & QTKD	2,3	D4-1	12/2/2023	
167	DCKTKD65A	Kinh tế & QTKD	4,5	D4-1	12/2/2023	
168	DCKTKD65B	Kinh tế & QTKD	4,5	D4-1	12/2/2023	
169	DCKTKD65C	Kinh tế & QTKD	4,5	D4-1	12/2/2023	
170	DCKTKD66A	Kinh tế & QTKD	7,8	D4-1	12/2/2023	
171	DCKTKD66B	Kinh tế & QTKD	7,8	D4-1	12/2/2023	
172	DCKTKD66C	Kinh tế & QTKD	7,8	D4-1	12/2/2023	
173	Quản trị TMĐT K66 B1	Kinh tế & QTKD	2,3	A404	12/2/2023	
174	Quản trị TMĐT K66 B2	Kinh tế & QTKD	2,3	A404	12/2/2023	
175	DCKTKDTM64 A	Kinh tế & QTKD	4,5	A404	12/2/2023	
176	DCKTKDTM64 B	Kinh tế & QTKD	4,5	A404	12/2/2023	
177	DCKTKDTM65C	Kinh tế & QTKD	7,8	A404	12/2/2023	
178	DCKTKDTM65D	Kinh tế & QTKD	7,8	A404	12/2/2023	
179	Quản trị TMĐT K66 C1	Kinh tế & QTKD	9,10	A402	12/2/2023	
180	Quản trị TMĐT K66 C2	Kinh tế & QTKD	9,10	A402	12/2/2023	
181	Quản trị TMĐT K66 A1	Kinh tế & QTKD	7,8	A402	12/2/2023	

182	Quản trị TMĐT K66 A2	Kinh tế & QTKD	7,8	A402	12/2/2023	
183	DCKTKDTM65A	Kinh tế & QTKD	2,3	A402	12/2/2023	
184	DCKTKDTM65B	Kinh tế & QTKD	2,3	A402	12/2/2023	
185	DCKTCN66B	Kinh tế & QTKD	7,8	D3-3	12/2/2023	
186	DCKTCN66A	Kinh tế & QTKD	9,10	D3-2	12/2/2023	
187	Quản trị TMĐT K66 D1	Kinh tế & QTKD	4,5	A402	12/2/2023	
188	Quản trị TMĐT K66 D2	Kinh tế & QTKD	4,5	A402	12/2/2023	
189	SV còn tồn đọng và SV học văn bằng 2 Khoa Kinh tế & QTKD	Kinh tế & QTKD	2,3	B502	12/2/2023	